

được đồ xuống, nước mắt của bạn anh chảy d.ị trên má. Bạn anh hoảng hốt kêu lên một tiếng « Con » vô nghĩa, và chân tay run-rẩy trong một cơn sốt khổ-đau.

Anh có thể kể thêm với em hàng trăm, hàng ngàn hay bao nhiêu nữa, những nỗi khổ-đau dề sống. Anh đã may-mắn và bất hạnh được chứng kiến những cảnh truy lạc cùng cực ở đời và anh không r.ị bỏ được .l.ị bản-khoản tự h.ị khi người ta không được bằng một nửa con vật về mọi phương-diện, người ta có lý-do gì dề thiết-tha với sự sống hay không ?

— Có, có lẽ có, em ạ, chúng ta phải cố gắng tin là có, chúng ta phải cố-gắng chứng minh là có, dề trước hết tự cứu thoát chúng ta ra khỏi những nhọc-nhàn của thề xác và tâm-hồn, nhất là tâm-hồn.

Em thân mến,

Đất nước chúng ta đã hai mươi năm chìm đắm trong loạn ly. Từ ngày em ra đời, em đã nghe nhiều tiếng súng. Mẹ đã ôm ngửa em nhiều-dạt trong những lần chạy loạn. Em đã mất nhiều người thân-yêu.

Điều anh xót xa là trong hình-ảnh trong sáng của em, có một vẻ gì buồn tủi. Nhiều lần anh nhắm mắt nghĩ tới em, trong khoảng đen của thị-giác, em hiện ra như một đốm sáng nhỏ nhoi. Anh vốn không có đức tin, vậy mà anh đã cầu-nguyện cho đốm sáng ấy không bao giờ tắt, dù chỉ là đốm sáng nhỏ nhoi.

Bởi vì em là hình-ảnh hy-vọng. Không ai có quyền tước đoạt sự sống của em, vì sống là một quyền bất khả nhượng. Không ai có quyền kiêu-hãnh vươn đòi bàn tay độc ác che lấp ánh sáng mặt trời dề giam hãm em trong tối tăm. Không ai có quyền đem bom đạn thay thế cho lời ca. Không, không ai có những quyền ấy... Trái đất và sự sống còn mệnh-mông, mỗi người đều có một địa đàng dề sống, đâu có chật hẹp đến nỗi phải giành nhau, đâm chém, thù hận và nguyên-rủa lẫn nhau.

Anh bắt đầu cuốn truyện này bằng một bức thư gửi cho em, viết là một nỗi an-ủi khôn cùng đối với anh. Anh sống lẫn-lộn với nhân-vật của anh, điều ấy giúp anh đánh lừa nỗi cô-đơn ghê-rợn của mình. Tim kiếm được đôi chút sự cảm-thông của người d.ị, anh cam thấy thoải mái lạ-lùng.

Chiến-tranh đã tàn-phá khắp nơi nhưng chưa tàn-phá được lòng con người. Mẹ rất kiêu-hãnh vì anh, đưa con yêu của Mẹ nói tiếp được chí-khí của Ba. Dòng máu gia-đình anh em mình vẫn còn giữ được cái hào-khí ông cha. Anh yên lòng làm nghĩa-vụ của người trai thời-loạn.

Nơi hậu-phương, tuy có buồn vì sự vắng bóng anh trong những ngày xum-hợp gia-đình, nhưng em vẫn kiêu-hãnh vì anh.

Anh an lòng. Trong cảnh vắng-lặng u-buồn của gia-đình trong những ngày Xuân trong nỗi nhớ mong ngày tháng của Mẹ, chúng em vẫn trang bị được một niềm tin-tưởng trong lòng, một niềm tin-tưởng cần-thiết cho Mẹ, cho em và cả quê-hương nữa.

Cầu trời anh mạnh và vững niềm tin chiến-đấu chống kẻ thù đang cố mang một vùng trời u-ám, chụp lên trên đầu anh em chúng ta.

Kính thư

Em L.Y-DÔNG-NAI

Những tài-liệu đọc thêm

1.— MỘT BỨC THƯ

Em thân-mến,

Đã lâu lắm anh hứa tặng em một món quà. Thế mà lần nữa ngày này qua ngày khác, em vẫn chờ-dợi và anh vẫn không làm được công-việc dề-dàng ấy ! Không phải bởi anh quên đâu — em cũng biết trí nhớ của anh dai-dẳng lắm mà — nhưng chỉ vì anh không biết phải tìm được một món quà như thế nào mới xứng-đáng với em.

Nhưng bây giờ anh đã tìm được, anh thích-thú đã tìm được ; anh sẽ viết tặng em một cuốn truyện.

Chiều nay, Sài-gòn mưa tầm tã và dưới cơn mưa, anh tiên đưa một cháu gái nhỏ, con đầu lòng của một người bạn anh. Khi anh mới tới, bạn anh gương cười nắm tay anh cảm ơn, nhưng khi chiếc quan-tài bé nhỏ kỳ lạ hạ huyết, khi những xẻng đất nhào

Hình như anh vừa nói đến cô đơn ? Đó là sự trừng-phạt nặng nề nhất của Thượng-Đế. Thượng-Đế đã bắt loài người phải chung sống một cách lễ-lối, phải phân chia và xa cách nhau bởi những biên-giới hoàn-toàn giả tạo. Nếu tất cả chúng ta cố-gắng phá bỏ biên-giới ấy, cố-gắng cảm-thông và yêu-thương nhau bằng một tình-yêu vô vị lợi, cố-gắng trong một giờ để sống, dành một phút để nghĩ tới người khác thì anh không mơ tưởng một thiên-đường nào mà sung-sướng biết bao được sống trên trái đất này. Anh hy-vọng em sẽ vun-trồng tâm-hồn em bằng tất cả tình yêu-thương mà em sẵn có, dù em phải chịu đôi chút thiệt-thòi, em sẽ được đền bù bởi sự bình-an trong ý nghĩ vô-tội.

Em thân mến,

Hạnh-phúc bao giờ cũng trong tầm tay chúng ta. Và có một cách tìm kiếm một hạnh-phúc giản-dị nhất, là hãy nghĩ tới những người bất hạnh. Nếu em què một tay, em hãy nghĩ đến người cụt một chân. Nếu em thất-bại một lần, em nghĩ đến người suốt một đời chưa từng thành-công. Đó không phải là những thí-dụ anh cố tình bịa-đặt với mục-dịch nguy-hiện, mà chỉ là sự thật vô cùng đơn giản.

Thời nhé, xin em nhận cho anh tặng-phần này, một tặng-phần không đáng gì bằng tiền bạc, nhưng anh đã lựa chọn vì đó là hơi thở, là sự sống, là tình thân-mến và ý nghĩ chân thành của anh.

DƯƠNG - KIẾN
(Đồng sữa đắng)

oOo

Sàigòn, ngày . . . tháng . . . năm . . .

I. Chị Tâm,

Hôm nay là ngày tự-trường. Em nhớ lại mọi năm cũng vào đạo này, khi thấy những trận gió nam gay-gắt đã tàn để nhường chỗ cho gió nồm hiu-hiu thổi trên những cánh thâu-dầu đầy lá và chỉ-chít đầy những quả mập-mạp như nho xanh, thì lòng em thao thức, hoặc tiếc vụ nghĩ hệ đầy những thú vui, hoặc mong chóng đến ngày khai-trường để gặp thầy gặp bạn.

II. Đến nay, gió nam cũng đã tàn, gió nồm cũng đã hiu-hiu thổi. Cây thâu-dầu và cây phượng cũng đã đầy những quả xanh thê mà em vẫn bình-tĩnh, không sửa-soạn áo quần, sách vở như mọi năm, thật là tế quá.

Thôi ! Cái đời học-sinh của em đã bị chôn sâu trong quá khứ mất rồi. Còn đâu những phút ngây-thơ và nồng-nào của ngày tựu-trường ?

DIỄM

Theo TỬ-NGỌC (Hai Ngõ)

2.— BAO GIỜ MẸ VỀ VỚI CON ?

Bao giờ mẹ mới trở về ?

Đề con khỏi đợi náo-nề nhớ thương.

K. L.

Chiều nay con đứng đợi trước cửa rất lâu mẹ ạ ! Con phải lấy tay che trán, vì ông mặt trời làm chói mắt con quá.

Con chăm chú nhìn những người qua đường, những chiếc ô-tô, xe đạp, xe gắn máy, chạy vùn-vụt, nhưng không ai nhìn con, không ai giống mẹ cả ? Sao mẹ đi lâu thế ? Mẹ đi hỏi nào ? Mẹ đi lúc nào ? Con ngủ phải không ? Con chẳng nhớ rõ mẹ nữa, nhưng con tin chắc rằng mẹ rất giống con, con chạy vào lục tủ quần áo, để tìm tấm ảnh của mẹ chụp hồi con mới lên sáu. Mãi đến bây giờ người đưa thư cũng chưa đến ; con chờ gọi quà màu xanh nhạt xinh như khung cửa sổ phòng ngủ của con, có cả mảnh trăng lưỡi liềm treo ở đấy nữa. Con sẽ đọc những lời thơm tho mùi áo, mùi tóc của mẹ, dễ thương, như quả mận hồng hay trắng ngon lành như những quả nho mọng nước hay những viên kẹo bị đủ màu đỏ xanh.

Con chạy vào nhà, con chó Lu đã thức dậy rồi, nó lại mang cả mền của con xuống đất, nó định đi đâu đấy ? Mẹ có biết nó không ? Lông nó mềm như tơ, vàng con có một tí nó đã kêu lên rồi.

Con cũng có đi học nữa mẹ ạ ! Hôm nào mẹ về xem, con sẽ vẽ mẹ ngồi viết thư cho con, mẹ phải nói như mẹ của con Nguyệt nói với nó : « Con làm gì đấy ? Con hư lắm, sao con lại đi chân không ? »

Mẹ cứ lại tú áo quần con xem cái nào cũng đẹp cả, làm tấm những chùm hoa mới nở ; mẹ biết không ? Lọ mực của con đã hết chẳng còn tí nào cả.

Mẹ dắt con đi biển nhé ! Mẹ vớt thật nhiều bóng gòn về làm nệm cho con nằm, nó trôi bèo-bông đáng yêu quá, ai thả nó ra nhiều thế, hở mẹ ?

Tội nghiệp những tảng đá sao nó không lên bờ cát chơi ? Đè sóng biển xua đuôi mãi, nó nói chuyện nhỏ quá con nghe không rõ đâu, mẹ ạ !

Lần này con lại bế con chó Lu đứng đợi quà mẹ gửi về. Con nhớ mẹ quá ! Mẹ có nhận ra con không ? Đường phố đèn đã sáng rồi. Con gọi nho-nhỏ « Mẹ ơi » mí mắt con nặng trĩu, ánh trắng đẹp nhòa ra như lọ mực của con đổ lên trang vở.

Hay đêm nay mẹ về ? Con mơ thấy gói quà được bọc (ân) thận bằng khung cửa sô màu xanh.

Mẹ nằm cạnh con mẹ nhé ! Nước biển sẽ tràn dưới giường ngủ của con và thì-thầm như tiếng vồng đưa.

Con đi ra sân chơi đây, mẹ ạ ! Con Lu lại-đùa với bóng mái tóc con ; đuôi nó ve vẫy, con không cử động, con nằm ra cát. Lung-linh dưới trắng, mây cây bấp đàng mùa một vũ-độ đầu-đau-tộc, mái tóc vàng óng-ả, xoã lên lưng những bà tiên tròn ăm-áp hạt non.

Mẹ ơi ! Con đợi mẹ, nhưng biết bao lần mà mẹ vẫn chưa về .. Mẹ có biết ! Trong giấc ngủ con mơ thấy mấy chiếc ghe đánh cá cứ lại gần con mãi, nó đi qua đi lại, cuối cùng bị kẹt trong góc mùng. Con đưa hai tay kéo nó lại nhưng nặng và trơn quá.

Có gì lạnh mát chạy nhẹ-nhẹ trên trán, trên tai, trên cánh tay, bìn chân con, con nghe rõ tiếng mền, gối chuyền mình, hơi thở nhẹ nhàng.

Mẹ làm con khó ngủ quá, mẹ cứ để tay lên khắp mình con, con có làm sao đâu ? Mẹ đánh con chó Lu nằm bên con phải không ? Con nghe thấy tiếng nó kêu. Rồi sau mẹ làm gì nữa con chẳng biết. Khi con thức dậy, con thấy khung cửa sô của con màu xanh đẹp hơn chiều hôm qua, mẹ có phơi chiếc áo lụa hồng của con cạnh đấy đẹp quá !

Mẹ ở đâu, con gọi mẹ khắp nơi, mẹ đi hồi nào ? Còn gói quà của con ?

Con đang lạc vào rừng cầu vồng, khắp người con bị quán chặt, lấp-lánh.

Mẹ ơi ! Con biết tìm mẹ ở đâu ? Bao giờ mẹ về với con ?

Bài học-sinh NGUYỄN THỊ KIM-LIÊN
(Văn-hóa Ngày Nay)

3.— THI RỚT

Vinh-long, ngày 20 - 8 - 1955...

Chị Tuyết-Hạnh,

Hôm nay, Xuân gửi bức ảnh ở Long-hải tặng chị. Có lẽ các chị Nga, Linh, Dung cũng đã nhận được ảnh một lượt với chị đấy. Năm nay chị Hạnh thi đậu, về quê chắc vui lắm. Phần chúng tôi, anh Tường-Minh vừa đậu tú-tài Việt-nam phần nhưt, còn tôi thì đành ngậm câu : « Bui-Kiểm thi rớt trở về. »

Xuân nói ra, không phải để chị thương-hại giùm đâu nhé ! Tu-mi nam-tử, lẽ đâu đi nhờ sự thương hại của nữ-nhi, phải không chị ? Có thi rớt mới kường được mùi-vị của kẻ hồng thi, chờ đậu hoải thi cũng tâm-thường lắm. Xuân dám cam-đoan mặc dầu chị Hạnh giỏi về văn-chương, nhưng không thề nào chị hiểu được cái hay, thâm-thúy của hai câu thơ này của Tú-Xương bằng Xuân :

*Học đã sôi cơm nhưng chưa chín,
Thi không ngậm ớt thế mà cay !*

Nói đùa thế cho vui, chớ Xuân không đến nỗi chán-nản như Tú-Xương vậy đâu. Cụ Nguyễn-công-Trứ ngày xưa đến năm bốn mươi hai tuổi mới đạt được hiền-vinh về thi-cử, kẻ hậu sinh như Xuân cần phải noi gương theo Cụ chứ. Minh đạt được sự nghiệp sớm, thì ra mình lỗi đạo với tiền-nhân sao ?

Nhưng tại sao Xuân thi rớt ? Đó là cả một vấn-đề mà Xuân đang suy-nghiệm. Xuân biết xưa nay mấy anh chị ở trường công thường có thành-kiến đối với những học-sinh trường tư chúng tôi, cho chúng tôi là bọn « cao-bồi », « đi chơi hơn là đi học », Cái thành-kiến đó thật là sai-lầm cần phải đả-phá thẳng tay. Bằng cơ là mỗi năm kiểm-điểm lại số học-sinh thi đậu, học-sinh trường tư vẫn đậu không kém gì học-sinh trường công kia mà. Vậy thì cái quan-niệm « đi chơi hơn là đi học » là cái quan-niệm xuyên-tạc hãn-hồi.

Đến cái quan-niệm « học-sinh cao-bồi » thì có riêng gì học-sinh trường tư hay trường công, nó là chứng bịnh chung của một số

thạch thiếu-niên thời-đại. Chính vì Xuân trước cũng mắc phải chứng bệnh ấy nên Xuân mới nhận lấy cái kết-quá cay-đắng ngày nay.

Thật không ai lạ-lùng như Xuân, lần đầu-tiên viết thư cho một thiếu-nữ, lại dám tự xưng cái bịnh không ai ưa của mình. Không phải Xuân lập-dị đầu, nhưng vì Xuân thành-thật nên Xuân muốn nói ra ngay những điều gì Xuân đang nghĩ.

Ngày Xuân còn bé, Xuân sống trong một xã-hội đầy những đù-côn, anh chị, Xuân đã từng được chứng-kiến những trò dao búa của họ và đầu óc non-nớt của Xuân in sâu những hành-động ngang-tàng khinh-thường pháp-luật của họ. Khi được cấp sách đến trường, Xuân bắt đầu say-mê những loại tiểu-thuyết phiêu-lưu, kiểm-hiệp hoang-đường, hình-ảnh của những chàng hiệp-sĩ áo xanh, áo tím, áo vàng, lại in sâu vào đầu óc Xuân lần nữa. Gần đây, loại phim cao-bồi bán sừng, đấu dao găm như làm sống dậy ở Xuân những hình-ảnh cũ, và với bầu máu nóng và tính hiếu-động của thanh-niên, Xuân không biết làm gì khác hơn là hành-động theo những nhân-vật từ lâu đã in sâu vào tâm-não.

Những hành-động tai-hại ấy đã phá mất bao nhiêu thì giờ quý-báu của Xuân. Cũng may, phong-trào thành-lập Hiệu-đoàn ở các trường đã đánh-đổ cái quan-niệm « anh-hùng cá-nhân » của Xuân, đã gieo cho Xuân cái ý-thức về sự sống chung, giúp Xuân phát-huy được tinh-thần tự-giác. Nhờ những buổi học tập thể mà Xuân không còn thấy tự-ái một cách ngông-ngênh, nhờ những buổi tự phê-bình và kiểm-thảo toàn đội mà Xuân lần lần giác-ngộ những hành-động lỗi-lầm của mình. Ngày nay, Xuân có thể tự-hào mình là một người mới hồi-sinh cả thể-xác lẫn tinh-thần. Xuân ngày nay không phải là Xuân ngày xưa nữa.

Có lẽ chị Hạnh sẽ mỉm cười khi đọc những lời thành-thật trên của Xuân. Xuân rất sung-sướng nhận lấy nụ cười của chị, vì Xuân biết đó không phải là một nụ cười mai-mĩa. Câu chuyện bán-thân của Xuân tưởng cũng có ích để chị suy-ngẫm đến bao nhiêu người khác cũng cần một hoàn-cảnh như Xuân.

Thôi, Xuân thân-mật chào chị và rất mong một ngày gần đây sẽ được nghe chị hát lại bản « Bên bờ đại-dương ».

XUÂN

THÂM - THỆ - HÀ (Hoa trinh - nữ)

4 - ĐỜI SỐNG CỦA SINH-VIÊN NGHÈO Ở BA-LÊ

Chị Vinh,

Chị bảo em kể đời sống một sinh-viên nghèo ở Ba-Lê ra sao cho chị nghe, em chưa quen nhiều nên không thể rụt được đời sống điển hình; đây em chỉ kể cho chị nghe giấc mơ của một sinh-viên trường thuốc. Em phải năn-nỉ mãi mới được phép đến thăm chỗ ở của anh ấy, mục-đích chụp một ít tài-liệu thật là mắt thấy tai nghe để viết lá thư Ba-Lê này về cho chị.

Lúc thấy em hăm-hờ bước lên cầu thang, anh ấy bảo :

— Ấy chớ ! Chị nên giữ một « tốc-độ » trung-bình thôi. Nếu thấy hơi mệt thì phải bỏ « ga » số một, như xe lên đèo ấy, phải đi thật chậm để giữ sức.

— Anh ở từng thứ mấy ?

— Rồi chị sẽ biết. Chị cứ đi chậm chậm, khi nào thấy « sơn cùng thủy tận » không còn cầu thang nào để « bò » thì đến « tề xá ».

Em làm theo đúng lời anh, và tính ra thời-gian đi trên cầu thang mất vào khoảng sáu chín một nời com. Anh ấy ở đúng là trên trời thực !

Em hỏi :

— Mấy năm nay anh sống bằng cách nào ?

— Dù, rửa bát đĩa, dán quảng-cáo ngoài đường, rửa in hình, giữ con, tiếm đạo, sửa xe đạp, đủ cả !

— Nhà không bao giờ gửi tiền sang sao ?

— Bầy, tám năm trước, lúc cha tôi còn, cha tôi có gửi cho tôi được vài tháng. Về sau phải tự lực; mãi đến cách đây mấy tháng trước anh tôi thấy tôi phải lo kiếm cơm, à quên kiếm bánh mì nên sự học bê trễ rất nhiều, mới tìm cách giúp đỡ đôi chút. Mẹ tôi mất để lại một gian nhà nát, mỗi tháng cho thuê cũng được ít nhiều, anh tôi gửi sang cho tôi, tuy không nhiều có khi mười ngàn quan, có khi mười lăm ngàn quan, không nhất định; chỉ biết rằng tôi chưa bao giờ có được bốn mươi ngàn quan mỗi tháng như con số tôi thiếu đã được định cho các sinh-viên cần phải tiêu dùng. Nhưng dù sao có là quí rồi. Tôi khỏi phải chạy tiền com tiền nhà đến nỗi thấy trắng thấy sọc !

— Hiện bây giờ anh có mơ gì không ?

Anh lim-dím mắt mơ-màng :

— Có chứ, mơ nhiều thứ lắm ! Tiên nhà gửi đều đều là tất cả nguồn sống ở đây. Tôi cần biết bao nhiêu thứ gấp lắm : là sườn này, quần áo rét, tiền cơm, tiền học, tiền sách vở, chần dệm này, toàn là những thứ « tới khà » cả !... Thế còn chi, chi có mơ gì không ?

— Có mà không. Có là vì có, mà không là vì biết không thể được thì gọi « mơ » lại và cất đi cho kỹ !

— Nếu chị không có cau-dâm nhận thi cứ thú thật đi. Tôi cho chị mượn giấc mơ của tôi, vì đây là giấc mơ chung của tất cả sinh-viên nghèo. Chúng tôi phải mơ được ăn họ : đầy đủ trước khi mơ những giấc mơ to lớn khác.

— Chi lý vậy thay ! Thôi cảm ơn anh nhé ! Tôi về, không chốc nữa tới quá sợ ma !

— Cảm ơn cái gì ?

— Giấc mơ !

Về nhà, em viết ngay thư này cho chị vì biết chắc chị đọc được giữa hai dòng, hiểu được những chua xót đắng cay nấp sau những lời khôi hài bất đắc dĩ của một sinh-viên nghèo Hẹn thư sau, chị nhé !

LINH-BẢO

NGHỊ - LUẬN

1

ĐỀ BÀI : Một thí-sinh hồng bằng Tiểu-học lại tự bào chữa : « Học tài thi phận ». Theo ý em, câu biện-bạch này có xác-đáng không ? Tại sao ?

DÀN BÀI

- I. Nhập đề : Đặt đầu đề.
- II. Thân bài :
 1. Giải-nghĩa « Học tài thi phận ».
 2. Thí-dụ chứng-minh.
 3. Lý lẽ của sự sai-lầm trong câu : « Học tài thi phận ».
- III. Kết-luận : Học-sinh không nên tin vào số phận mà chỉ nên trông cậy vào khả-năng của mình.

BÀI LÀM

Được thư báo tin một người bạn vừa thi hỏng bằng Tiểu-học, em lo-ngại cho số-phận mình quá. Đường như đoán được tâm-trang em, cuối thư bạn lại bảo : « Học tài thi phận, hơi dẫu mà lo bạn ạ ! »

Lời-lẽ bức tâm-thư làm em phân-vân, thác-mắc. Thế nào là học tài thi phận ?

Tài là khả-năng, là sự hiểu biết của mình. Phận chỉ là số phận mà tạo-hóa đã xếp đặt cho mỗi người. Học tài thi phận nghĩa là học-hành tài-giỏi, siêng-năng đến đâu cũng không qua cái số phận của mình. Trời đã an-bái vị-trí của mỗi người trong xã-hội thì đâu có « bốn-ba chàng qua thời vận ».

Mỗi nghe cũng có lý thầy em thường bảo thi-sĩ Trần-tế-Xương, Cao bá-Quát học-hành tài giỏi, thi-phủ lâu-thông thế kia mà phải lận-dận lao-đao. Bao lần khăn gói lên đường, là bao lần « hồ liễu

hồ chống ». Nhưng nghĩ sâu hơn nữa, em thấy rằng mỗi cái thất bại đều có cái nguyên-nhân của nó. Trần-tế-Xương vì quá phóng-tung nên phạm lỗi « tương-quí », Cao-bá-Quát vì quá hào-hoa, tự-đắc nên bị triều-đình ganh-ghét. Học-sinh thi rớt vì bị chênh-mảng hay vì quá lo sợ, bối-rối, mất bình-tĩnh nên lạc-đề, sai đáp số. Đối khí vì quá cậy tài, xen thường đầu đề rồi đề sơ-xuất, nên đành ôm hận. Những khuyết điểm trên là do chính mình tạo nên. Nếu biết khắc-phục được những lỗi-làm này mà sửa-chữa trong những kỳ thi tới, thì có lẽ ta không hỏng nữa. Xem thế bạn em bảo-chữa bằng câu « học tài thi phận » e rằng không xác-đáng. Bằng chứng, anh Tâm cũng là bạn em, học giỏi, đã đậu trong kỳ qua. Nghĩ vậy, em cảm thấy trong lòng phẫn-khởi và không còn thắc-mắc vì lỗi b o-chữa tiêu-cực của bạn em nữa... Em cố-gắng vun-quên kiến-thức của mình, sửa-chữa những khuyết-điểm lúc ra thi. Với lòng tin-tưởng, vô-biến, em nhất-định sẽ hái cho được những bông hoa rực-rỡ trong kỳ thi tới đây. Mà dù có rớt chăng nữa, đó cũng là một kinh-nghiệm, là một viên gạch để xây bức tường thành-công vậy.

Tuy nhiên, ở đời cũng có những trường-hợp đặc-biệt. Nhiều học-sinh giỏi, tinh-tĩnh căn-măn, siêng-năng mà thi rớt mãi... Đó chỉ là một phần ít. Em thường nghe ông nội em bảo ba em : « Phải tận lực mới biết được mệnh ». Mà « lực » mình có tận đâu mà bảo rằng tại mệnh ? Một lần vấp ngã, hai lần đứng lên, thua keo này, bày keo khác, đó là những người như bạn em.

Do những điều nói trên, em thấy câu « học tài thi phận » chỉ là một câu nói an-tui không xác thực để che-đậy sự kém-khuyết của mình. Phần là một cái gì mơ-hồ, ngược lại, tài là điều cầm chắc trong tay. Tài dĩ-nhiên được đảm-bảo hơn phận. Thế tại sao ta không cố-gắng tài-bồi, vun-xới cho nó nảy nở thêm lên, mà lại đi an-phận, che-đậy sự kém-khuyết của mình bằng chữ « mệnh ».

Câu biện-bạch trên đây rất nguy-hiêm cho đường thi-cử và làm nhục cái chí tiến-thủ của thanh-niên thế-hệ.

Là trai, muốn thành-công trên đường đời, ta phải tranh-đấu từ lúc còn học-sinh. Ta đừng nên hèn-nhát đồ thừa cho số mệnh mà quên cả chí phấn-đấu. Hơn nữa, nước nhà đang cần những con người tài-năng để phục-vụ quê-hương trong thời kiến-thiết. Không lẽ, ta cứ ngồi rên siết, than câu tài-mệnh mãi sao ?

Chúng ta, những mầm hy-vọng của đất nước, hơn lúc nào hết, phải cố-gắng học-hành, trau-dồi đức-hạnh, tin-tưởng nơi tài mình, ch ến-thắng mọi khó-khăn, ngõ hầu trở nên những con người hữu-dụng cho quốc-gia mai hậu.

2

ĐỀ BÀI : Bằng những thí dụ xác-đáng, em hãy giải thích câu : « Ngồi không thì hay làm xằng » (Nhân cư vi bất thiện).

DÀN BÀI CHI-TIẾT

I. NHẬP ĐỀ :

Thánh-kính có nói : « Chim có cánh để bay, người có tay để làm việc ». Xem thế, sự làm việc là một luật-điều hết sức thiêng-liêng của tạo-hóa. Bởi thế, « ăn không ngồi rồi » chẳng những phản lại trời đất, mà còn nguy hại cho xã-hội vì :

« Ngồi không thì hay làm xằng. »

II. THÂN BÀI :

Phần nhiều những tư-tưởng hắc-ám, những hành-động bất-lương, đa-số đều thoát thai từ những giờ phút không-nhưng, nhàn-rỗi. Tại sao như vậy ? Vì không làm việc thì :

- Buồn-bực, khó chịu, chán-chường ;
- Thân-thờ không vận-động, tinh-thần không làm việc sẽ suy-nhược, lười-biếng.

Do đó ta thấy những hành-động bất thường phát-sinh từ những giờ phút này :

1. Thí dụ chứng-minh :

- Đối với những kẻ lười-nhác, trốn-tránh công việc mà vẫn muốn sống sung-sướng, thì phải trộm cắp, cướp của, giết người.
- Đối với những người thất-nghiệp, không việc làm, thì phải trèo tường, khoét vách, lũng-gạt.
- Đối với học sinh lười giết thì giờ trong rạp chớp bóng, không tiêu phải sinh ra gạt-găm mẹ cha, bội-ngĩa bè-bạn.

— Đối với kẻ giàu có, thì giờ nhàn-rỗi ấy dùng vào các cuộc ăn chơi, rượu chè, bài-bạc, thuốc phiện.

2. Nhận-xét.

Trong xã-hội nếu càng có nạn thất-nghiệp, càng có các cuộc cờ bạc, đàng-điếm, thì càng dễ sinh ra những hành-động cướp của giết người vì « nhân-cư » thì « bất-thiện ».

3. Cẩn thận lúc rời-rãnh.

Bởi vậy, đôi khi có những giờ rời-rãnh ta phải hết sức thận-trọng : Cẩn phải hướng nó vào những cuộc giải-trí lành-mạnh như đọc sách, chơi thể-thao v.v...

III. KẾT-LUẬN :

Danh-ngôn Tây-phương nói : « *Nhàn rồi là mẹ đẻ những thói xấu* ». Bởi thế, ta cần phải làm việc dù cực-nhọc đến đâu, ta vẫn tìm được cái vui-thú. Ta tránh được mọi hành-động bất-lương, bất-thiện. Xã-hội sẽ bớt nạn cướp của, giết người. Câu : « *Nhàn cư vị bất thiện* » thật chí-lý vậy.



ĐỀ BÀI : Để phá tư-tưởng xem rẻ nghề lao lực, người ta thường nhắc đến câu : « Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh ». Em thử giải-thích câu này bằng những ví dụ xác-dáng.

DÀN BÀI

- I. Nhập đề : Vì sao ta phải nhắc nhở đến câu này trong giai-đoạn hiện tại.
- II. Thân bài :
 - A. Giải-thích.
 - B. Thí-dụ chứng-minh : thợ rèn, thợ thiên heo, thợ sửa xe gắn máy, v.v...
 - C. Giai-đoạn hiện-tại nên dùng làm phương-châm cho sĩ-tử ? Tại sao ?
- III. Kết-luận : Cảm tưởng của em.

BÀI LÀM

Tâm-lý « sùng nho, trọng sĩ và khinh rẻ nghề lao lực » lâu nay vẫn còn tồn-tại nặng-nề trong xã-hội ta. Tuy nhiên, gần đây, trước làn sóng văn-minh cơ-khí, trước nhu-cầu cấp-bách của xứ-sở trong sự phát-triển nền công, kỹ-nghệ, tư-tưởng « nhất sĩ, nhì nông » giảm dần ý-nghĩa của nó. Đề « Đánh tan quan-niệm sai-lầm trên và đồng-thời thúc-dẩy mạnh phong-trào hướng-nghiệp, người ta thường nhắc đến câu : « *Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh* ».

Theo nghĩa thông-thường, nghề gì tinh-xảo thì thân sẽ vinh-hiện, sung-sướng

Thật vậy, xưa nay bất cứ nghề gì, nếu đạt đến mức tuyệt xảo thì nhất định sẽ gặt-hái được những bông hoa tươi-đẹp : Nghề trí-thức thì lên đến đỉnh đài danh-vọng, nghề chân tay thì tiến đến mức giàu sang sung-mãn. Trong sinh-hoạt hằng ngày, đề ý nhận-xét, ta cũng thấy có nghề tầm-thường mà đạt đến chỗ tinh-vi, thì vẫn tạo được một đời sống ấm-no, sung-sướng. Hãy xem bác thợ rèn lành nghề kia làm việc : Bác rèn dĩa rất có lương-tâm, nước thép già dặn, xại bền lâu, lưỡi sắc bén và sáng ngời. Khách hàng tín-nhiệm, xa gần nô-nức đến đặt đồ-dùng. Tiền-bạc, do đó ma dôi-dào. Đời sống lương-thiện, sung-sướng. Một đồng-y-sĩ lành nghề, đoán bệnh như thần, tha-hồ mà tiếp-nhận thú-lao. Nhiều nơi quyên-quĩ, cao sang tranh nhau mời, rước. Tôi đã từng mục-kích một nghề rất tầm-thường : nghề thiên heo.

Chú Tư làng tôi mà người quen gọi là thợ « Tư », thiên heo tài tinh đến không còn ai mà không biết tiếng. Lúc đầu, chú còn đi « thiên » dạo, nhưng sau vì nghề nghiệp đã đạt đến chỗ tuyệt xảo nên chú chỉ ngồi nhà mà tiếp khách hàng như một vị thú-y-sĩ tại tinh thành. Chú tận được nhà cửa, mua xe gắn máy, cho con đi học ở Thủ-đô không kém gì một công-chức bậc trung.

Xem thế, còn ai dám nghĩ rằng chỉ có nghề của « kẻ sĩ » mới vinh-hiện, danh-vọng ? Thời-đại tân-tiến, kỹ-nghệ chi-phối đời-sống con người, học được một nghề trong tay càng được đảm-bảo hơn là học Trung-học, Tú-tài mà vẫn thất-nghiệp ngược xuôi. Ai dám khinh rẻ nghề thợ may khéo-léo, thợ cạo lành-nghề, cầu-thủ xuất-sắc, tay quân-vợt vô-dịch. Có biết bao nhiều người từ địa-vị người thợ tầm-thường nhờ nghề tinh-xảo mà nghiêm-nhiên trở thành chủ-nhân một xí-nghiệp, giám-đốc một nhà xuất-bản, quản-lý một

xưởng xe hơi. Nhà triệu-phủ Ford, Chrysler, trước kia cũng chỉ là người thợ máy. Tài-tử Gina, đầu-thủ Kramer cũng xuất thân trong giới bình-dân.

Còn ai dám khinh-khi nghề của hề Charlot, Ba Vân, Năm Châu là nghề xướng-ca vô loại ?

Nói tóm, nghề nào mà tinh-xảo (nhất nghệ tinh) thì sẽ được vinh-hiền, ấm no (nhất thân vinh).

Ngày nay, trước đà phát-triển của nền kỹ-nghệ quốc-gia, trước luồng gió giáo dục mới, tiếng chuông «Nhất nghệ tinh» dóng lên vừa đúng lúc. Thanh-niên, sĩ-tử hãy lấy đó làm phương-châm trong khi hướng bước đường học-vấn của mình đề khỏi sai lạc với năng-khế thiên-phủ. Quan-niệm học tứ-chương khoa-bảng đã lỗi-thời Óc-hủ-lậu của Tự-Đức khi bác-bỏ đề-ngị học thực-dụng của Nguyễn-trường-Tộ, đã làm đình-trệ cuộc tiến-hóa của dân-tộc. Nước nhà đã bừng tỉnh sau cơn mê, luồng gió mới thổi rạt-rào khắp bốn phương, sĩ-tử chúng ta hãy chọn con đường học-vấn cho quốc-gia một đoàn quân tinh-nhuệ phục-vụ nền kỹ-nghệ đang hồi phát-triển mạnh-mẽ.

Câu phương-ngôn trên đây đáng được xem là tiếng chuông cảnh-tỉnh đúng lúc hướng giáo-dục đang xoay chiều. Thanh-niên cần kềm-soát lại năng-khế để tìm một đường học-vấn phù-hợp với bản-năng thiên-phủ của mình.



ĐỀ BÀI : Trong đời học-sinh muốn học-hành cho có kết-quả, trò thử chọn cho mình một châm-ngôn rồi cứ đó mà đeo-đuôi. Hãy giải-thích vì sao trò chọn nó.

DÀN BÀI CHI-TIẾT

I. NHẬP ĐỀ :

Ở đời, ai cũng đeo-đuôi một mục-đích. Người thông-minh tài-đức, hy-vọng càng to-tát, hoài-bảo càng thiết-tha, thì mục-đích đời

họ càng xa-xôi, lý-tưởng càng cao-cá. Người bình-thường thì có một mục-đích khiêm-nhường hơn. Riêng em, trong đời học-sinh, em chỉ mong thi đỗ thành tài. Mà muốn được thế, em hàng tâm-niệm câu phương-ngôn :

« Hữu chí cánh thành »

Em xem nó như là một ngọn hải-đăng rọi đường cho em trong đêm tối, để chóng đạt mục-đích.

II. THÂN BÀI :

A. GIẢI NGHĨA

« Hữu chí » tức là có chí, có lòng cương-quyết làm việc. « Cánh » là cứu-cánh, là kết-quả cuối cùng của một công việc. « Thành » là nên việc, thành-công trong công-việc. Câu « *Hữu chí cánh thành* » nói một cách nôm-na là có chí thì nên.

Ở đời, có những việc khó-khăn đòi-hỏi nhiều nỗ-lực, lắm kiên-tâm, mới có thể làm xong được. Bởi thế, ta cần phải có lòng cương-quyết, chí kiên-nhẫn thì mới đạt được mục-đích. Người không chí, khi thất-bại một lần, là chán-nản, ngã lòng, rồi đâm ra phân-chí. Trái lại, nếu ta lập chí cho vững-bền, nhìn ngời sao lý-tưởng của ta đang lấp-lánh trên trời, ta vẫn cứ đi tới, tới mãi thì nhất định thành-công.

Thí-dụ : Ông Châu Trí quết lá đa ngồi học, sau đó Trương nguyên.

Ông Tô-Tuân bên Tàu, 72 tuổi mà còn mù chữ, ông quyết học cho đọc được. Quả nhiên, ông hay chữ và có con là một thi-sĩ đại-tài : Tô-đông-Pha.

B. LÝ-DO VÌ SAO EM CHỌN CÂU :

« *HỮU CHÍ CẢNH THÀNH* »

Ở đời, nếu ai ai cũng biết lập chí thì dầu cho việc khó đến đâu, người ta cũng làm được. Bởi thế, ta phải cần chọn một châm-ngôn để làm câu kinh nhật-tụng, để làm ngọn đèn pha soi sáng lối đi của mình. Em chọn câu « *có chí thì nên* » để làm châm-ngôn cho đường học-vấn vì những lẽ sau :

1. Đề nhắc-nhở em những lúc vui chơi mà quên đường học-vấn.

2. Đề an-úi khuyến-thích em khi thất-bại, khi thi hỏng, khi nản lòng, rùn chí.
3. Đề nung-nấu lòng cương-quyết, chí tiến thủ của em mà dẹp tan mọi trở-lực trong lòng.
4. Đề gây cho em một niềm tin mãnh-liệt ở tương-lai.

III. KẾT-LUẬN :

Người không chí như thuyền không lái. Ta làm thế nào để điều-khiển nó theo ý muốn của mình được ? Bởi thế, chọn câu châm-ngôn « *Hữu chí cánh thành* » trong đường học-vấn, em quyết đập báng mọi trở-lực, gian-nguy, chiến-thắng bao chán-nản, ngã lòng, đề đi đến mục-đích. Cái khó ở đời không phải vì « sông ngạn núi cách » mà khó chỉ vì mình sợ « núi cách sông ngạn ! »

5

ĐỀ BÀI : Giải nghĩa câu : « Nói hay hơn hay nói. »

DẪN BÀI CHI-TIỆT

I. NHẬP ĐỀ :

Lời nói quý-giá vô cùng. Nhờ nó mà con người mới truyền-bá, phát-biểu những cảm-nghĩ, tư-tưởng của mình được. Các nhà hùng-biến đại-tài, các chính-khách nổi danh, cũng nhờ uốn ba tấc lưỡi của mình trong hội-ngộ q. óc-tế, mà tầm-tiếng nổi như cồn. Tuy-nhiên, phải sử-dụng cái lưỡi của mình cách nào để đạt mục-đích. Thi đây, câu tục-ngữ : « Nói hay hơn hay nói » dạy ta kỹ-thuat sử-dụng lời nói.

II. THÂN BÀI :

A. GIẢI NGHĨA

« Nói hay » tức là nói đúng lúc, đúng chỗ, đúng chân-lý, hấp-dẫn khiến thính-giả thích nghe. Ngược lại « hay nói » tức là bép-xếp, bạ đâu nói đấy, nói dối, nói nịnh, ba-hoa.

Nếu người nói hay được thiên-hạ kính-phục, sùng-bái, đem tài ăn nói mà giúp-ích quốc-gia thì kẻ hay nói chỉ hại người, hại mình vô-ích cho xã-hội.

a) « Nói hay » không phải nói nhiều.

Nói cho đúng lúc, phải nơi, thì lời nói đem đến nhiều kết-quả. Nhiều khi im-lặng vẫn còn hơn. Những người trí-thức ta thấy phần nhiều ít nói mà thích nhận-xét, phê-phá. Nếu cần, khi họ nói thì toàn những lời châu-ngọc.

b) « Hay nói » tức là ham nói.

— Học-sinh nói nhiều không hiểu bài giảng, không nghe lời thầy, không giỏi được.

— Ngoài xã-hội, những kẻ nói nhiều (hay nói) phần nhiều rước họa vào thân. (Công-chức tiết-lộ bí-mật công-vụ thì vào tù; sĩ-quan đề lộ bí-mật quân-sự thì tiêu-tan kế-hoạch ; thiên-hạ ba-hoa thì rước oán gây thù, mất lòng bè-bạn.)

— Trong sách vở xưa nay : vua Tống Mãn-Công vì hay buông lời khinh-khi tội-thần Nam-Cung Trường-Vạn nên bị giết chết. Vua Philippe vì hay nói nên bị Aster bắn một mắt trả thù ; Dương-Tu vì hay nói nên bị Tào-Tháo tình-nghị giết chết.

B. CÁI LỢI CỦA SỰ NÓI HAY

— Con người kín-đáo, có nhiều nghi-ngợi trước khi nói, bao giờ cũng được trọng-dụng.

— « Nói hay » được người kính-nể, trọng-vọng.

— Nói hay ít khi họa vào thân vì lời nói đã được chọn-lọc chín-chắn, nghĩ-suy kỹ-càng.

III. KẾT-LUẬN :

Lời nói là khí cụ sắc-bén. Tuy-nhiên, ta phải dùng nó với tất cả sự dè-dặt vì nếu « nói hay » mang lợi bao nhiêu thì « hay nói » đem tai-họa bấy nhiêu !



ĐỀ BÀI : Giải nghĩa câu : « Uống nước nhớ người đào giếng. »

DẪN BÀI CHI-TIỆT

I. NHẬP ĐỀ :

Ở đời, nếu có những kẻ « tâm khi nào vượt mặt khi này », những kẻ « được chim bẻ mỏ, được cá lại quăng nơm » ; thì cũng có những

(giết Hàn-Tín, Đổ-thành-Nhơn, Nguyễn-văn-Thành). Các vị vua này đã bội-nghĩa, đã quên câu : « Uống nước nhớ người đào giếng ».

III. KẾT - LUẬN :

Ta đã thọ ơn rất nhiều từ di-sản tinh-thần đến vật-chất của các bậc tiền-nhân. Vậy ta phải làm sao để khỏi mang tiếng bội-nghĩa phi-ân, uống nước không nhớ nguồn.



ĐỀ BÀI : Giải-thích câu tục ngữ : « Có học phải có hạnh. »

DÀN BÀI

- I. Nhập đề :
- II. Thân bài : A. Giải-thích : Học là gì ? Hạnh là gì ?
 1. Cái hay của cái « học có hạnh ».
 2. Cái nguy-hại của « học không hạnh ».
- B. Ứng-dụng vào đời học-sinh.
- III. Kết luận : Tổng-kết các điều trên.

BÀI LÀM

Học-vấn và hạnh-kiểm là hai yếu-tố cấu-tạo nhân-cách con người. Kiến-thức sâu-xa, học-vấn uyên-bác mà kém đức-độ thì nguy-hiểm, có khi trở thành khí-cụ tàn-phá ghê-gớm. Bởi thế, cỡ-nhân có lời nghiêm-huấn :

« Có học phải có hạnh. »

Mà học là gì ? Theo nghĩa thông-thường, học tức là trau-dồi kiến-thức, mở rộng tầm mắt của mình. Học để biết tính-toán, suy-nghĩ, lý-luận, phân-biệt điều-phái trái : đó là cái học của học-sinh. Học để quán-thông kim cõ, nghiên-cứu lý-thuyết đạo-giáo để đạt được chân-lý : đó là cái học của nhà hiền-triết. Học để tìm hiểu, khám-phá vũ-trụ : đó là cái học của nhà bác-học. Học-vấn nào cũng phải kèm theo hạnh-kiểm và đức-độ. Mà hạnh-kiểm là gì ? Đó là những đức-tính cần-thiết của một con người thiện. Người có hạnh là người biết giữ chữ trung đối với chính-nghĩa, chữ hiếu

người ăn một quả ngọt biết nhớ đến kẻ trồng cây, uống bát nước mát lòng lại không quên người đào giếng.

II. THÂN BÀI :

A. GIẢI NGHĨA

1. Nghĩa đen : Uống cạn một ly nước có mấy ai nhớ đến người đã từng đổ từng giọt mồ-hôi dưới ánh nắng hè gay-gát, đào từng miếng đất để tạo thành cái giếng sâu.

— Gánh nước giặt rửa ở ao giếng trong làng ta phải nhớ đến người có công sáng-tạo ra nó.

2. Nghĩa bóng : Câu tục-ngữ tuy giản-dị mà hàm-súc một bài học thâm-trầm.

a) Về phương-diện vật-chất : Ta phải tưởng nhớ đến tổ-tiên, những người đã sáng-lập cái di-sản mà ta thừa-hưởng ngày nay : nhà cửa, điền-sản, tiền-bạc, những công-trình xã-hội, những gang-sông tác đất từ Thuận-hóa đến Mũi Cà-mau (nhắc sơ cuộc Nam-tiên triều chúa Nguyễn), những phát-minh khoa-học như phi-cơ, xe hơi, máy in, tàu bè, v. v., những thuốc-thang trị liệu (nhắc đến Pasteur, Yersin, Koch, Calnette) v. v... Có vậy ta mới khỏi mang tiếng là kẻ vong-ơn.

b) Về phương-diện tinh-thần : Ta thừa-hưởng tinh-thần tự-chủ, biết chuộng tự-do, có chí phấn-đấu, tiến thủ thêm vào những sách vở, những áng văn hay, những bài thơ tuyệt-tác của vị tiền-nhân đã nêu gương anh-dũng tiết-tháo. Ta luôn luôn tri-ân những bậc tiền-bối ấy.

c) Về phương-diện luân-lý : Ta có nền luân-lý vững-chắc, biết thương yêu đồng-loại, biết xử thế theo cương-thường. Ấy cũng là do ông cha tổ-tiên ta ảnh-hưởng. Loài người thuở xưa ăn lông ở lỗ, hung-bạo mà nay có một nếp sống văn-minh, đạo-đức là cũng nhờ ai, nếu không phải ở các tổ-tiên ta.

B. THÍ DỤ CHỨNG - MINH

- 1. Những cuộc lễ kỷ-niệm các vị anh-hùng như Quang-Trung, Hưng-Đạo Vương, Lê-Lợi, Không-Tử đều có mục-dịch tri-ân và nhắc-nhở cho dân-chúng công-ơn của các Ngài.
- 2. Hậu-thế trách vua Gia-Long và Lưu-Bang đã nở quên ơn các vị khai-quốc cộng-thần, vừa nên nghiệp bá đã vội thi xe xưa

đối với cha mẹ, chữ tình đối với bằng-hữu và luôn luôn cư-xử theo nhân nghĩa, lễ, trí, tín. Bên cạnh trí thì luôn luôn có đức, cũng như bên cạnh học thì kèm theo hạnh. Học-sinh có học mà không hạnh sẽ là những trẻ mất đại ở học-đường, bất hiếu ở gia-đình, những bạn trẻ xấu-xa, những công-dân phản-bội ở xã-hội. Học-giá thiếu đức độ, sẽ đem học-vấn của mình làm mối cầu danh lợi, tiền-bạc bất-chính, hay phụ-ng-sự một tà-thuyết gây tàn-hại gồm-ghê cho quần-chúng. Nhà bác-học thiếu lương-tâm, vô-thần, không có một đời đạo-lý cao sâu, sẽ đem cái học-vấn của mình để-dọa nhân-loại.

Người xưa nói: « Đức thắng tài, vi quân-tử » Thật vậy, trong con người, nếu đức thắng tài, gia-đình sẽ có những bạn hiền, con thảo; xã-hội sẽ có những bậc trung-thần liệt-sĩ. Trông quá-khứ, nhìn hiện-tại, ta vẫn thấy những bậc có học mà có hạnh thì lập nên công-nghiệp ở đời. Hán Bái-Công Lưu-Bang thắng Sở Bá-Vương Hạng-Vô là do sự biết dùng cái đức của mình mà thu-phục nhân-tâm, trong lúc Hạng-Vô chỉ biết sức mạnh và bạo-lực. Phạm-đình Trọng, Nguyễn-hữu-Cầu, kẻ làm quan, người làm giặc, là vì thiếu nhỏ Trọng là cậu học trò tính-nết tốt, ngược lại Cầu tâm-địa dè-hèn, xấu-xa. Có những nhà bác-học từ-chối bán tài-liệu phát-minh cho một chính-phủ vô-đạo, hoặc thà chết còn hơn phục-vụ cho chủ-ngĩa bạo-tàn. Vì học có hạnh nên Pasteur, Yersin, v.v... hưởng cái kiến-thức mình vào việc giải-cứu nhân-loại. Ngày nay, người ta biết đem sự phát-minh nguyên-tử ứng-dụng vào kỹ-nghệ. Âu cũng là một điều đáng mừng vậy.

Nếu « học có hạnh » đem lợi-ích cho quốc-gia, dân-tộc, bao nhiêu thì « học vô hạnh » gieo tai-họa bấy nhiêu ! Kẻ học vô hạnh chỉ là những kẻ phản thầy, phản bạn, bất-hiếu, bất-lương. Vì học mà thiếu hạnh, nên tên Cao-ngọc-Lê nở bất thầy là cụ Nghè Tống dâng cho Pháp; tên Lê Chiêu-Thông dâng tâm rước voi về dầy mộ tổ; tên Ba Phúc phản-bội con nuôi là Đề-Thám; tên Ngô-Khởi nở « sát thê, cầu tướng ». Trong Thế-chiến thứ hai, có những nhà bác-học vô đạo nở đem học-vấn của mình phụng-sự cho bạo-lực Đức-Quốc-Xã gây tang-tóc khủng-khiếp cho nhân-loại.

Xem thế, học-vấn và hạnh-kiểm cũng như tài với đức luôn luôn phải đi đôi với nhau như bóng với hình. Từ lúc còn là học-sinh, ta phải lo trau dồi đức-đức cũng như trí-đức, luôn luôn giữ cho trọn vẹn tinh thần trở, đạo bằng-hữu, nghĩa cha con. Co

như thế ta mới mong trở thành những măng non tươi tốt ở học-đường, những cành lá sum-suê ở xã-hội, những cây đại thọ sừng sững muốn đòi chống giữ quốc-gia.

Cỏ cây tươi tốt nhờ vun phân, tưới nước mới gieo mầm này mống. Ngày nay ở học-đường song song với học-vấn, em luôn luôn cố gắng trau-dồi hạnh-kiểm để ngày mai trở thành người con hiếu thảo, người dân trung-thành như lá cành sum-suê kia vậy.



8

ĐỀ BÀI : Trở đã có lần cắm trại, hoặc nghe thấy về cắm trại. Hãy nói về những lợi-ích và thú-vui của những ngày cắm trại ở nông-thôn.

BÀI LÀM

Đời sống ở những đô-thị đông nghẹt những người, không-khi không trong sạch và những tiếp-xúc không ngừng với người khác làm cho thần-kinh căng-thăng và mệt-mỏi.

Thật là hữu-ích và thích-thú khi được sống những ngày cắm trại ở nông-thôn. Chúng tôi được sống ở nơi khoáng-khoát, khi trời trong sạch, được tắm nước mát và ánh-nắng của mặt trời. Ở đô-thị, chúng ta bị ngột-ngạt, giờ đây thân xác như được phục-sinh, phát-giác được những thú-vui nồng-nhiệt của một lối sinh-hoạt gần như sinh-vật.

Đó là một lối dưỡng-thân, giải-độc : chúng tôi cố-gắng cho được sống giản-dị hơn. Đô-thị đã đòi hỏi những cầu-kỳ kiêu-cách vô-ích của « tiện-nghỉ tân-thời ». Bỗng nhiên chúng tôi được thoát khỏi sự chễ-ngự độc-đoán của đô-thị và lấy làm ngạc-nhiên mà thấy rằng không có gì là khổ khi sống ở nông-thôn. Lối sống đơn-giản khi cắm trại đã trở nên rất thú-vi. Tuy nhiên phải tỏ ra một ít khéo tay, một ít ý-chí và vui-tính. Ở đây, chúng tôi không nói về lối cắm trại với xe hơi có nệm đề ngủ, với những tiện-nghỉ khác.

Cắm trại giản-tiện, chúng tôi được đắm mình vào trong thiên-nhiên, và nhận thấy trong lòng mình như sống dậy một thi-sĩ đề

rung-cảm trước những phong-cảnh núi rừng, đồng-áng. Đó là một dịp để du-ngoạn và đưa hồn vào cõi mộng.

Tóm lại, cảm trại là một nghệ-thuật mới về lối sống, sống giữa thiên-nhiên và với thiên-nhiên.



Những tài-liệu đọc thêm

1 - BƯỚC ĐƯỜNG PHẢI ĐI

Lúc này hơn bao giờ hết, người bạn trẻ phải ý-thức sự tích-lũy và truyền-tiếp của lịch-sử để kịp thời đáp-ứng với những nhiệm-vụ vô-cùng khó-khăn của một giai-đoạn trong đó dân-tộc và nhân-loại chuyển mình bước vào thời-đại mới. Những thế-hệ tương-lai sẽ tấ-tác thân-phục mãi thế-hệ trai trẻ lúc này. Hỡi những bạn trẻ, chớ thả lỏng lòng mình trong thời hậu-chiến. Hãy chống lại cái tâm-lý hậu-chiến « ăn xổi ở thì ». Hãy sửa chữa lại những tàn-phá của chiến-tranh !

Chiến-tranh đã gây tàn-phá ngoài xã-hội cũng đã làm thui rụi một phần những tình-cảm tốt đẹp trong tâm-hồn của lớp người trai-trẻ. Tuy nhiên, không phải vì thế mà thanh-niên không ôm-áp trong lòng những hoài-bảo cao-đẹp. Nhưng hoài-bảo thanh-niên lấy gì mà nuôi dưỡng. Chí khí thanh-niên trên nền tảng tu-dưỡng nào mà thành ?

Đối với những ai còn tha-thiết với dân-tộc trước và nay, còn nghĩ đến ngày mai, sự nuôi dưỡng hoài-bảo tất chỉ có thể thực-hiện bằng lấy tích-lũy lịch-sử làm vốn. Bởi lịch-sử là nguồn sinh-lực vô-biên, là kho-tàng quý-báu nhất của con người.

Sự ra đời của mỗi người chúng ta cũng là cả một sự truyền-tiếp. Chúng ta thừa hưởng biết bao nhiêu những thành-quá của ông cha từ trước tới nay, bao nhiêu thế-hệ đóng góp cho chúng ta đến lúc này, chúng ta những thành-quá và đóng góp đó hợp lại mà thành cái vốn lớn lao để nuôi dưỡng cái hoài-bảo của chúng ta trong lúc này. Hòa với lịch-sử và thuận theo dòng lịch-sử là như thế.

Chỉ có tư-tưởng dân-tộc thời-đại mới cho phép thanh-niên, một mặt tiếp hưởng được những tích-lũy trong lịch-sử dân-tộc truyền-tiếp, một mặt khác tiếp đón được những tinh-hoa mới của thời-đại, làm thành những điều-kiện tối cần-thiết giúp cho thanh-niên khám-phá và hòa mình vào dòng sống tiến-hóa chủ-lưu của dân-tộc thời-đại.

VIỆT - CHIẾN

2.— NƯỚC MẮT GENÈVE

Có những giọt nước mắt đi vào lịch-sử như giọt nước mắt của Nguyễn-Trai tiên cha bị bắt sang Tàu. Giã thù Nguyễn-Trai khóc đầy rồi quên đấy, từ biên-giới trở về chẳng nuôi một ý-chí nào hết, cam-tâm với cái thân-phận của một người dân nô-lệ, thì sau này còn ai biết tới và nhắc-nhở tới những giọt nước mắt để làm gì, dầu là những giọt nước mắt của đau-thương và uất-hạ.

Bởi lẽ thiếu gì đau-thương và uất-hạ trong xã-hội và thời-đại của chúng ta đang khơi. Những dòng nước mắt hòa với máu rơi trên đất này.

Cho nên giọt nước mắt đi vào lịch-sử là giọt nước mắt làm nãm nãm những ý-chí được vun-sới mãi để trở thành một nguồn nguyên động-lực cho những sử-ký hành-động sau này. Khóc như thế mới là nên khóc, cái khóc, làm hồi-hận cả một thế-hệ, báo trước sự rung-chuyển của cả một trật-tự xã-hội cũ.

Cũng như tiếng khóc của Phan-bội-Châu :

« Cũng nhà, cũng cửa, cũng giang sơn,

« Thế mà nước mắt nhà tan hơi trời ?

« Nghi lắm lúc đang cười hóa khóc . »

Tiếng khóc đi vào lịch-sử, sâu-xa vào đáy lòng mỗi người và quất dậy hồn phục-hưng của dân-tộc. Tiếng khóc trở thành tiếng gọi hồn : Từng thế-hệ lớp lớp người đứng lên trong túi-nhục quyết tìm lấy con đường sống.

Tiếng khóc của Phan-bội-Châu, tiếng khóc của một cuộc vận-động đòi đời, nước Việt còn nhớ chăng ?

20-7-1954 I

Người Việt khóc, những dòng nước mắt lịch-sử xây đắp thế hệ tương-lai. Nhất-định người dân Việt tự-do sẽ làm lại lịch-sử của mình.

Theo THÁI-LĂNG-NGHIÊM

(Việt-Chiến)

3. — VŨ-KHÍ CỦA THANH-NIÊN THỜI-ĐẠI

Phải thành-thật mà thú nhận rằng dù trước hay sau ngày 1-11-63 đến hôm nay, những người thanh-niên có ý-thức trên nửa mảnh đất này vẫn chưa được trang-bị một thứ hành-trang căn-thiết để lên đường hầu chu toàn trách-nhiệm trọng đại của mình trước thực-trạng vô-cùng khốn quẫn của đất nước. Hành-trang đó chính là niềm tin. Dù rằng cái giá-trị được họ đặt vào tất cả niềm tin đó có bị vấy phủ bằng những huyền thoại của thời cuộc, hay được tạo nên bằng những thủ-đoạn trên chính trường. Vì rằng không có một huyền thoại nào có thể đứng vững chung quanh một nhân-vật, một đường lối hay một chính-sách đời : những cá-nhân đã và đang xuất hiện hay kẻ-sách đã được nêu ra đều không có một khả-năng, một thực-chất. Đi lại trong tâm-trạng bơ-vơ đó, chúng ta chỉ nhìn nhau và tìm kiếm nơi nhau niềm cảm thông trước những bế-tắc của đất nước, những chia rẽ của bạn-bè, trước nỗi thống-khò của quê-hương. Nhưng sự thật đến đây giờ, giữa chúng ta niềm tin-tưởng vào nhau đã mang tuổi trẻ đến gần được hơn trong gang tấc nào chưa ? Hay từ hai năm qua, bởi những hấp lực của miếng mồi danh vọng đang thả nổi trên từng loạt bằng-hữu-gục-ngã, trong bạn-bè của chúng ta có người không ngần-ngại chụp lấy như cơ-hội cuối cùng để đánh đời lấy công-lao tranh-dấu của mình.

Rời từ đó tìm cách hạ uy-tin nhau, gây ra tình-trạng đờ-vờ đáng buồn. Đi xa hơn thế, đảng-phái, tôn-giáo, dòng-tiền ngoại bang cuồn hút và đánh chìm ý-thức đứng-dẫn một số thanh-niên trường-thành đã từng đứng lên tranh-dấu cho đất nước trong thời-gian qua.

Có thể họ vẫn còn giữ nguyên- vẹn lòng nhiệt-thành, ý-chí hăng-say tranh-dấu và lòng can-dảm đáng kính-phục như từ hai năm về trước, nhưng hướng đi đã thấy chia bày trước mắt biết bao nhiêu neo.

Người dân Việt khóc, đất nước Việt khóc: Tưởng rằng những dòng nước mắt đi vào lịch-sử ấy sẽ làm bùng cháy những tâm-hồn, làm chu-ền mình một thế-hệ đã từ lâu tắt ngúm.

Nào ngờ, tới nay, mười hai năm qua, nước mắt đó vẫn là nước mắt chưa làm này mồm nhân chúng. Dòng nước mắt chưa làm này mồm một ý-chí, chưa trở thành một nguồn hành-động. Tiếng khóc vẫn chưa làm này mồm một ý-chí chưa thành tiếng thức tỉnh.

Hận nước non lẽ đâu không dài hơn dòng nước mắt ?

20-7-1965 !

Một tiêu vận-hội mười hai năm sắp hết, dân-tộc sửa-soạn bước sang một vận-hội mới trên thời-gian. Nhưng không-gian như vẫn là không-gian cũ. Cũng vẫn hình-thức chiến-tranh đang đi vào giai-đoạn quyết-liệt. Đêm đêm nằm nghe tiếng súng, đoán bước chân đi của giặc. Cũng vẫn tiếng súng có xen lẫn tiếng « vận-động hòa-bình » và tiếng gọi « thương-thuyết » khiến mỗi đêm trở thành một thứ đêm trừ-tịch của một ngày mai chia cắt. Bởi chiến-tranh kéo dài mãi rồi cũng phải đến lúc thương-thuyết mà nói thương-thuyết lúc này không thể không ở trong khuôn-khò của phân chia đã rồi.

Nguồn nước mắt dân-tộc khóc hiệp-ước Genève, khóc cho cảnh đất nước chia cắt, sơn-hà rạch đôi. Nó cũng là nguyên-động-lực cho sự phân-nộ, khơi mào cho thời-đại Duy-Tân, Lam-Son, Đổng-Đa. Cuộc vận-động đòi đời đó làm bằng một trăm năm nước mắt, đến nay vẫn chưa chấm dứt, đất nước Việt vẫn chưa giải-phóng, xã-hội Việt vẫn còn chậm tiến.

Thì chúng ta phải khóc để tiếp tục cuộc vận-động lịch-sử. Lịch-sử Việt-nam làm bằng nước mắt, căm-hờn, tủi-nhục !

Cuộc vận-động lịch-sử đó không dừng lại, không thỏa-hiệp với một chế-độ chính-tự giả nghĩa, phản thời-đại nào đâu. Điều đó chúng ta chắc lắm, tin lắm và nhớ lắm vì mỗi chúng ta há chẳng từng có lúc sống một phút mà như sống một lịch-sử và lịch-sử như giục lòng người đứng dậy để chọn lấy một đường. Thì đó là con đường của một trăm năm dân-tộc vận-động giải-phóng và cầu tiến.

20-7-1965. Vết xe xưa đã mờ. Toàn dân đau khổ, phần-nộ nên ngày lịch-sử này không thể để cho tái diễn lần thứ hai và tiếng nói quyết-định, cuối cùng.

Lực-lượng có thể nói và có thể làm đó có thể bị phân tán đến mức-độ nào? Sự kiện đó tôi không thể tiên đoán được. Nhưng có một điều chắc-chắn là việc làm hôm nay của thế-hệ chúng ta đang hằng ngày bị từng cá-nhân, hay kẻ đồng-hành trong tập-thể của mình bôi nhọ, phủ-nhận bằng chính danh-ngĩa của chúng ta!

Nhưng đâu sao tôi vẫn còn tin-tưởng vì tuổi trẻ vốn dễ cảm-thông, và nhất là khi cùng bắt tay vào việc.

Chao nên sự sáng-suốt quyết-định và hành-động kịp thời vẫn chờ ta. Hãy nắm lấy nó cho bằng được để hành-động khi trong tay chúng ta hiện chưa có một thứ vũ-khí nào ngoài tiếng nói chân-thực và tình thương đất nước vô bờ.

NGUYỄN - VĂN - ĐÔNG

Sinh - viên Huế



Xây - dựng nông - thôn

1. — MẢNH ĐẤT QUÊ-HƯƠNG

Người dân cây thời loạn căn-cối héo khô, chỉ còn có đất. Đâu đây trên dãy non sông, đất trải ra mênh-mông, mênh-mông như đại-dương ôm vào lòng những đò-thị, bây giờ chỉ còn những ốc-đảo thu hình.

Hãy nhìn ra xa, hãy nhìn đến đó, bởi những thủy-thủ sau một chiều trời giạt. Bởi qua những mệt-mỏi gian-truân của cuộc đời chìm nổi, qua những ngày sóng dậy đắm thuyền, những người khách hải hồ xấu số sẽ chẳng còn đối được lòng. Và khi bừng tỉnh dậy, họ sẽ chẳng còn nhìn mặt đại-dương với tâm hồn mơ-mộng của tuổi mười lăm.

Tina người thủy-thủ yêu biển dạt-dào như vậy đó, nhưng tình của người dân cây yếu đất, có lẽ đã chú thiết, xoắn-vó và miên-man như nguồn sóng vô bờ. Hơn thế nữa, bởi đất cát là xương và thịt, là mồ-hôi, là nước mắt. Sống giữa lòng biển đất, mỗi người dân cây là một thủy-thủ đã sống vật lộn và bám chặt

lấy con thuyền mình là vườn, thửa ruộng quê-hương, lần lữa cam khổ trên những luống cây mới vỡ như những lượn sóng trái dài, cuộn-cuộn trời xuôi. Một nắng hai sương đề về lam-lũ đề hơn một thời, người dân cây cam chịu sống an phận đọa-đầy như con gà bới sâu nhất bọ bên bờ tre vắng cũng vì yêu đất. Suốt một phần đời người dân cây khom mình xuống, cúi đầu sát xuống, làm kiếp con giun con dế lẫn vào chân cỏ rậm, quần-quại trong sợ hãi, phục tùng như một cổ vật, bởi sự nhận định hiểu biết của anh như bao giờ, vẫn mong manh, bàng-bạc như sương khói phủ đồng hoang. Người dân cây đã không cần biết gì hơn ngoài việc mong được sống, tha-thiết được sống và chỉ thấy lẽ sống trong tình yêu đất mẫn-nồng. Nguồn sống đó như một dòng nước ngàn xuyên đục trong lòng đất cát sâu lắng hiền-hòa, chảy dạt-dào dưới cỏ hoa tàn cõi, dưới những luống cây nhầy nhựa mồ-hôi.. Ở đâu và bao giờ anh cũng chỉ còn trông thấy đất.

Bám chặt lấy đất, ghi chặt lấy đất, người dân cây đã nghiền rãng nhai nuốt khô hạn và dù có giấy-giũa một cách yếu ớt như con vật trôi bồng theo dòng nước lũ...

Như vậy đó, cuộc đời gai lửa vẫn đang còn ngùn cháy trên mảnh đất khô già của những con người lưng đen khổ trụi. Người dân cây chỉ biết mờ mắt, ngửa mặt kêu trời. Nhưng trời thì cao xa quá; đất thì dày đặc những tội-lỗi, oán thù, rơi rắc những máu xương.

Giờ đây, nhìn vào cuộc đời sâu rộng chìm khuất giấy-giũa của người dân cây đang sưng-sờ biểu-hiệu, chúng ta nghĩ gì?

Không phải chúng ta chỉ ngồi bện tâm vi lòng bác-ái, cũng chẳng phải chỉ ca-tụng hay than-ván vì lòng thương-hại cũng chẳng phải xía-xói, phàn-nàn vì một vết-thương bao giờ cũng đang còn lở-lồi.

Trên dãy đất đồng ruộng mênh-mông kia, có bao giờ người ta chết hẳn đâu! Bởi đó, khi tìm về cội nguồn, tìm về với đất chúng ta cũng phải sống tâm tình và hơn thế nữa, chúng ta phải cùng với người dân cây tự hỏi là mình đang nghĩ gì khi đứng trên luống đất già nua ướt dẫm sương mai.

2. — DẤT MẸ

Đất mẹ sinh ra con, nuôi con như một vú sữa. Con hút lấy cái sống từ trong lòng đất, gặp chỗ đất phì-nhiều, con được béo tốt, gặp nơi khô-khan nứt-nẻ, con phải chịu gầy còm. Nguồn sống từ đất đã rót vào miệng con như một dòng sữa ấm.

Đất sinh người, người sinh và sống bám vào đất dè mai sau thác lại trở về với đất.

ĐẤT MẸ là gì ?

Là một khoảng rừng rú hoang-vu, có khi lầy-lội, mà ông cha ta từ mấy ngàn năm trước, đã đem lười cày đến đặt xuống lần đầu tiên. Dưới giọt mồ-hôi, rừng hoang đầy chướng-khí đã trở nên thuận, chỗ biến thành nương sản rẫy khoai, chỗ thì biến thành đồng ngô ruộng lúa ; sự thay đổi này hầu đã phải tốn nhiều mồ-hôi và nước mắt. Một lão nông-phu già côi ngả gục bên luống cây, cạnh con trâu ; người con trai ra cầm báp cày thay, dề cây nối thừa ruộng của cha bỏ lại. Một cô áo quan từ-từ hạ xuống huyết trong khi oe-oe ba tiếng khóc chào đời, công-trình gây tạo phải được liên-lạc tiếp nối luồn.

Ngoài đồng đã thấy mấp-mò vài năm mộ.

ĐẤT MẸ phát sinh ra ta từ đấy.

Trái qua nhiều thế-hệ, lòng đất đã áp-ủ bao năm xương trắng của tổ-tiên ta, bao năm xương mà khi còn đứng trên mặt đất đã không ngừng cựa quậy dề cho lòng đất được vỡ ra. Rồi thì, những nương dâu xanh-ngát, những ruộng lúa vàng mơn, những chợ búa đường sá, làng mạc biết bao công-trình tiếp-nối xây-dựng lên mới có cảnh-tượng ngày nay.

Bỗng một hôm có những khâu đại-bác chia ngay vào Đất Mẹ dề mong chiếm đoạt những của ấy...

Những người con đều đứng lên dề bảo-vệ Mẹ thân yêu. Những đồng máu trai trẻ, thơ-ngây chảy ra thấm sâu vào lòng đất. Đất càng uống nhiều máu của con càng trở nên linh và càng khó bị xâm chiếm.

Một đồng máu chảy gọi thêm nhiều đồng máu khác, rồi tất cả các đồng máu trong huyết-quần các người trai trẻ đều quần sôi.

Đất Yên-bái trở nên thiêng hà chẳng nhờ thắm máu mười ba nhà chí-sĩ đó ư ? Uy-linh thay mảnh đất đã được tưới bằng nhiều dòng máu quật-cường.

Ngày mà tiếng giày xâm-lãng còn nện trên lòng đất mẹ, ta hãy lắng nghe trong những đêm âm-u, tiếng lòng đất thờ than : Đó là tiếng dề ni-non hay tiếng quốc gọi hè đêm vắng !

Lò g Mẹ đau lắm song gan Mẹ vẫn tro-tro...

Đất Mẹ đã hy-sinh nhiều : bao nhiều làng mạc cháy, chợ búa điêu-tàn, ruộng nương bị dâm dệp. Đất Mẹ như một người không-lỡ bị giương đấm tứ phía, các vết thương ri-ri máu, song Mẹ vẫn còn được nhắc-nhở luồn. Nhắc đến khi một người trai khấn gọi trên vai ra khỏi công theo tiếng gọi của non-sông. Nhắc đến khi ngoài bãi sa trường một chiến-sĩ mấp-máy, môi hát hơi thờ cười cùng.

Cao qui thay lòng đất đã được uống nhiều dòng máu hy-sinh. Có những kẻ tha-phương cầu-thực, khi trời chiều xế bóng, thường cảm thấy buồn nhiều Họ thấy thiếu-thốn một cái gì giữa những người xa lạ. Đó là tiếng gọi của Đất Mẹ.

THU - VÂN



MỤC - LỤC

| | TRANG |
|-------------------------------------|-------|
| Lời cảm tạ | 4 |
| Thay lời tựa | 5 |
| Tà Đồ-Vật | 9 |
| — Những tài-liệu đọc thêm | 21 |
| Tà Thực Vật | 25 |
| — Qui-tắc căn-bản | 26 |
| — Những tài-liệu-đọc thêm | 32 |
| Tà Động-Vật | 36 |
| — Những tài-liệu đọc thêm | 43 |
| Tà Cảnh | 49 |
| — Những tài-liệu đọc thêm | 60 |
| Tà Người | 71 |
| — Những tài-liệu đọc thêm | 78 |
| Thuật-sự | 84 |
| — Những tài-liệu đọc thêm | 94 |
| Đơn-từ | 100 |
| Thư-Tín | 103 |
| — Những tài-liệu đọc thêm | 116 |
| Nghị-Luận | 125 |
| — Những tài-liệu đọc thêm | 138 |
| — Xây-dựng nông-thôn | 142 |